

## THÔNG BÁO HÀNG HẢI

Về việc thiết lập mới các tiêu báo hiệu hàng hải số “9”, “12”, “11”, “14”, “13”, “16”, “15”, “18”, “17”, “20”, “22”, “19”, “21”, “23”, “28”, “30”, “27”, “32”, “29”, “36”, “38”, “35”, “40”, “37”, “42”, “39”, “44” thuộc luồng cho tàu biển trọng tải lớn vào sông Hậu.

TVH – 21 – 2016.

Vùng biển: Tỉnh Trà Vinh.

Tên tiêu: “9”, “12”, “11”, “14”, “13”, “16”, “15”, “18”, “17”, “20”, “22”, “19”, “21”, “23”, “28”, “30”, “27”, “32”, “29”, “36”, “38”, “35”, “40”, “37”, “42”, “39”, “44”.

Căn cứ văn bản số 799/BQLDAH-H-QLDA2 ngày 10/6/2016 của Ban Quản lý dự án Hàng hải về việc công bố thông báo hàng hải thiết lập mới các tiêu báo hiệu hàng hải số “9”, “12”, “11”, “14”, “13”, “16”, “15”, “18”, “17”, “20”, “22”, “19”, “21”, “23”, “28”, “30”, “27”, “32”, “29”, “36”, “38”, “35”, “40”, “37”, “42”, “39”, “44” thuộc luồng cho tàu biển trọng tải lớn vào sông Hậu,

Thừa ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam thông báo thiết lập mới các tiêu báo hiệu hàng hải số “9”, “12”, “11”, “14”, “13”, “16”, “15”, “18”, “17”, “20”, “22”, “19”, “21”, “23”, “28”, “30”, “27”, “32”, “29”, “36”, “38”, “35”, “40”, “37”, “42”, “39”, “44” với các đặc tính sau:

### 1. Tiêu báo hiệu hàng hải số “19”

- Vị trí: Luồng cho tàu biển trọng tải lớn vào sông Hậu.
- Tọa độ địa lý:

Tiêu báo hiệu	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)
“19”	09 <sup>0</sup> 37'34,2” N	106 <sup>0</sup> 27'22,7” E	09 <sup>0</sup> 37'30,6” N	106 <sup>0</sup> 27'29,1” E

- Tác dụng: Báo hiệu luồng chính chuyển sang trái.

### Báo hiệu thị giác

#### a. Đặc tính nhận biết ban ngày:

- Màu sắc: Màu xanh lục với dải màu đỏ xen kẽ.
- Số hiệu (chữ hiệu): “19”, màu trắng.

#### b. Đặc tính ánh sáng ban đêm:

- Ánh sáng xanh lục, chớp nhóm (2+1) chu kỳ 10s.



- Chiều cao tâm sáng: 16,36m, tính đến số “0” hải đồ.
- Tầm hiệu lực ánh sáng: 2,5 hải lý với hệ số truyền quang của khí quyển  $T=0,74$ .

**2. Tiêu báo hiệu hàng hải số “12”, “14”, “16”, “18”, “20”, “22”, “28”, “30”, “32”, “36”, “38”, “40”, “42”, “44”.**

- Vị trí: Luồng cho tàu biển có trọng tải lớn vào sông Hậu.
- Tọa độ địa lý:

Tiêu báo hiệu	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ ( $\varphi$ )	Kinh độ ( $\lambda$ )	Vĩ độ ( $\varphi$ )	Kinh độ ( $\lambda$ )
“12”	09 <sup>0</sup> 34’17,8”N	106 <sup>0</sup> 30’58,2”E	09 <sup>0</sup> 34’14,1”N	106 <sup>0</sup> 31’04,6”E
“14”	09 <sup>0</sup> 34’50,4”N	106 <sup>0</sup> 30’22,6”E	09 <sup>0</sup> 34’46,7”N	106 <sup>0</sup> 30’29,0”E
“16”	09 <sup>0</sup> 35’27,3”N	106 <sup>0</sup> 29’40,8”E	09 <sup>0</sup> 35’23,6”N	106 <sup>0</sup> 29’47,2”E
“18”	09 <sup>0</sup> 36’04,8”N	106 <sup>0</sup> 28’58,8”E	09 <sup>0</sup> 36’01,1”N	106 <sup>0</sup> 29’05,2”E
“20”	09 <sup>0</sup> 36’42,7”N	106 <sup>0</sup> 28’20,6”E	09 <sup>0</sup> 36’39,0”N	106 <sup>0</sup> 28’27,0”E
“22”	09 <sup>0</sup> 37’20,1”N	106 <sup>0</sup> 27’37,9”E	09 <sup>0</sup> 37’16,4”N	106 <sup>0</sup> 27’44,3”E
“28”	09 <sup>0</sup> 37’46,9”N	106 <sup>0</sup> 24’55,8”E	09 <sup>0</sup> 37’43,2”N	106 <sup>0</sup> 25’02,2”E
“30”	09 <sup>0</sup> 37’54,2”N	106 <sup>0</sup> 23’53,4”E	09 <sup>0</sup> 37’50,5”N	106 <sup>0</sup> 23’59,8”E
“32”	09 <sup>0</sup> 37’44,6”N	106 <sup>0</sup> 22’56,5”E	09 <sup>0</sup> 37’40,9”N	106 <sup>0</sup> 23’02,9”E
“36”	09 <sup>0</sup> 37’25,6”N	106 <sup>0</sup> 21’12,4”E	09 <sup>0</sup> 37’21,9”N	106 <sup>0</sup> 21’18,8”E
“38”	09 <sup>0</sup> 37’13,2”N	106 <sup>0</sup> 20’09,3”E	09 <sup>0</sup> 37’09,5”N	106 <sup>0</sup> 20’15,7”E
“40”	09 <sup>0</sup> 37’02,6”N	106 <sup>0</sup> 19’12,4”E	09 <sup>0</sup> 36’58,9”N	106 <sup>0</sup> 19’18,8”E
“42”	09 <sup>0</sup> 36’50,7”N	106 <sup>0</sup> 18’14,4”E	09 <sup>0</sup> 36’47,0”N	106 <sup>0</sup> 18’20,8”E
“44”	09 <sup>0</sup> 36’40,8”N	106 <sup>0</sup> 17’20,7”E	09 <sup>0</sup> 36’37,1”N	106 <sup>0</sup> 17’27,1”E

- Tác dụng: Báo hiệu giới hạn luồng về phía trái, tàu thuyền được phép hành trình ở phía phải của báo hiệu.

**Báo hiệu thị giác**

a. Đặc tính nhận biết ban ngày:

- Màu sắc: Sọc ngang màu trắng và màu đỏ xen kẽ.
- Số hiệu (chữ hiệu): “12”, “14”, “16”, “18”, “20”, “22”, “28”, “30”, “32”, “36”, “38”, “40”, “42”, “44”, màu trắng.

b. Đặc tính ánh sáng ban đêm:



- Ánh sáng đỏ, chớp đơn chu kỳ 3,0s.
- Chiều cao tâm sáng: 16,36m, tính đến số “0” hải đồ.
- Tầm hiệu lực ánh sáng: 2,5 hải lý với hệ số truyền quang của khí quyển T=0,74.

**3. Tiêu báo hiệu hang hải số “9”, “11”, “13”, “15”, “17”, “21”, “23”, “27”, “29”, “35”, “37”, “39”.**

- Vị trí: Luồng cho tàu biển có trọng tải lớn vào sông Hậu.
- Tọa độ địa lý:

Tiêu báo hiệu	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)
“9”	09 <sup>0</sup> 34’22,8”N	106 <sup>0</sup> 31’05,4”E	09 <sup>0</sup> 34’19,1”N	106 <sup>0</sup> 31’11,8”E
“11”	09 <sup>0</sup> 34’55,5”N	106 <sup>0</sup> 30’27,7”E	09 <sup>0</sup> 34’51,8”N	106 <sup>0</sup> 30’34,1”E
“13”	09 <sup>0</sup> 35’32,7”N	106 <sup>0</sup> 29’45,7”E	09 <sup>0</sup> 35’29,0”N	106 <sup>0</sup> 29’52,1”E
“15”	09 <sup>0</sup> 36’09,2”N	106 <sup>0</sup> 29’04,7”E	09 <sup>0</sup> 36’05,5”N	106 <sup>0</sup> 29’11,1”E
“17”	09 <sup>0</sup> 36’47,5”N	106 <sup>0</sup> 28’26,1”E	09 <sup>0</sup> 36’43,8”N	106 <sup>0</sup> 28’32,5”E
“21”	09 <sup>0</sup> 37’43,8”N	106 <sup>0</sup> 26’03,5”E	09 <sup>0</sup> 37’40,1”N	106 <sup>0</sup> 26’09,9”E
“23”	09 <sup>0</sup> 37’53,5”N	106 <sup>0</sup> 24’57,9”E	09 <sup>0</sup> 37’49,8”N	106 <sup>0</sup> 25’04,3”E
“27”	09 <sup>0</sup> 37’51,3”N	106 <sup>0</sup> 22’55,0”E	09 <sup>0</sup> 37’47,6”N	106 <sup>0</sup> 23’01,4”E
“29”	09 <sup>0</sup> 37’38,7”N	106 <sup>0</sup> 21’46,2”E	09 <sup>0</sup> 37’35,0”N	106 <sup>0</sup> 21’52,6”E
“35”	09 <sup>0</sup> 37’09,2”N	106 <sup>0</sup> 19’09,8”E	09 <sup>0</sup> 37’05,5”N	106 <sup>0</sup> 19’16,2”E
“37”	09 <sup>0</sup> 36’58,3”N	106 <sup>0</sup> 18’12,3”E	09 <sup>0</sup> 36’54,6”N	106 <sup>0</sup> 18’18,7”E
“39”	09 <sup>0</sup> 36’49,2”N	106 <sup>0</sup> 17’17,5”E	09 <sup>0</sup> 36’45,5”N	106 <sup>0</sup> 17’23,9”E

- Tác dụng: Báo hiệu giới hạn luồng về phía phải, tàu thuyền được phép hành trình ở phía trái của báo hiệu.

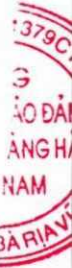
**Báo hiệu thị giác**

a. Đặc tính nhận biết ban ngày:

- Màu sắc: Sọc ngang màu trắng và màu xanh lục xen kẽ.
- Số hiệu (chữ hiệu): “9”, “11”, “13”, “15”, “17”, “21”, “23”, “27”, “29”, “35”, “37”, “39”, màu trắng.

b. Đặc tính ánh sáng ban đêm:

- Ánh sáng xanh, chớp đơn chu kỳ 3,0s.
- Chiều cao tâm sáng: 16,36m, tính đến số “0” hải đồ.





- Tầm hiệu lực ánh sáng: 2,5 hải lý với hệ số truyền quang của khí quyển  
 $T=0,74./.$

**Nơi nhận:**

- Cục Hàng hải Việt Nam;
- Công ty Thông tin điện tử Hàng hải;
- Lãnh đạo Tổng công ty BĐATHH miền Nam;
- website [www.vms-south.vn](http://www.vms-south.vn);
- Phòng: KTKH, KT, HTQT;
- Lưu VT-VP, P. ATHH<sup>Nhiên</sup>.

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Trần Đức Thi**

**Danh sách nơi nhận kèm theo**

- |   |  |
|---|--|
| 1 Bộ Tư lệnh Hải quân   | 16 Cty Vận tải xăng dầu đường biển                           |
| 2 Cục Khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản                          | 17 Cty Vận tải Thủy Bắc                                      |
| 3 Cục Đường thủy nội địa Việt Nam                                     | 18 Cty VT và cung ứng xăng dầu đường thủy I                  |
| 4 Chi Cục Đường sông phía Nam   | 19 Cty Vận tải biển Sài Gòn                                  |
| 5 Cục Cảnh sát biển   | 20 Trường Cao đẳng nghề hàng hải TP.HCM                      |
| 6 Tập đoàn Dầu khí Việt Nam   | 21 Trường Đại học GTVT TP.HCM                                |
| - XNLD Dầu khí Vietsovpetro (VSP)                                     | 22 Cty Bảo đảm ATHH Tây Nam Bộ                               |
| - Tổng Cty Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí (PTSC)                            | 23 Xí nghiệp Khảo sát hàng hải miền Nam                      |
| - Tổng Cty Thăm dò khai thác Dầu khí (PVEP)                           | 24 Chi nhánh TCT BĐATHHMN tại TPHCM                          |
| - Tổng Cty Vận tải Dầu khí (PVTrans)                                  | 25 Trung tâm Ứng phó Sự cố Trần dầu khu vực miền Nam (NASOS) |
| - Cty CP Vận tải SP Khí quốc tế (Gas shipping)                        | 26 Công ty Vitaco  |
| 7 Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam  | 27 Cảng Sài Gòn  |
| 8 Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam                                      | 28 Cty TNHH MTV hoa tiêu KV V                                |
| - Công ty Vận tải Biển Đông (BISCO)                                   | 29 Cảng vụ Hàng hải Cần Thơ                                  |
| - Công ty Vận tải biển Container Vinalines (VCSC)                     | 30 Công ty Phương Nam - Bộ Quốc phòng                        |
| - Công ty Cổ phần hàng hải Đông Đô (DONG DO MARINE)                   | 31 Sở GTVT tỉnh Trà Vinh                                     |
| - Công ty CP Vận tải biển và Hợp tác lao động quốc tế (INLACO SAIGON) | Trà Vinh   |
| - Công ty Cổ phần hàng hải Vinalines Nha Trang                        | Cần Thơ  |
| 9 Hiệp hội Cảng biển Việt Nam   | Hậu Giang  |
| 10 Đại lý Hàng hải Sài Gòn (Vosa Sài Gòn)                             | 32 Sở NN&PTNT các tỉnh                                       |
| 11 Đài tiếng nói nhân dân Tp.Hồ Chí Minh                              | Trà Vinh   |
| 12 Đài Duyên hải Tp. Hồ Chí Minh                                      | Cần Thơ  |
| 13 Công ty Vận tải biển VN (VOSCO)                                    | Hậu Giang  |
| 14 Công ty Vận tải biển III (VINASHIP)                                | 33 Đài thông tin Duyên hải Cần Thơ                           |
| 15 Cty Vận tải và thuê tàu biển VN (VITRANSCHART)                     | 34 Bộ đội Biên phòng tỉnh Trà Vinh                           |
|   | 35 Ban Quản lý dự án Hàng hải                                |

